CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Ngày 31/12/2025	18,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.1%	**-7.4%**	**-4.1%**

DT thuần
Q4/25
534
tỷ VNĐ
QoQ: ▼76.0| -12.5%
YoY: ▼13.0| -2.5%

LN thuần
Q4/25
-1.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.27| -215%
YoY: ▲ 6.29| 78.2%

LN sau thuế
Q4/25
2.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.55| 24.5%
YoY: ▼2.58| -47.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
0.9%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE
2025
13.2%
YoY: +/-▼ 1.3%

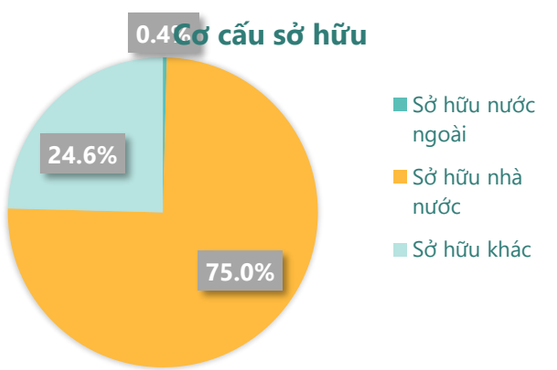
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,978 - 23,561
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	187
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	870
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.28
EPS	2,536
P/E	7.4

DT thuần
2025
3,631
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 481| 15.3%

LN thuần
2025
22.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.3| 118%

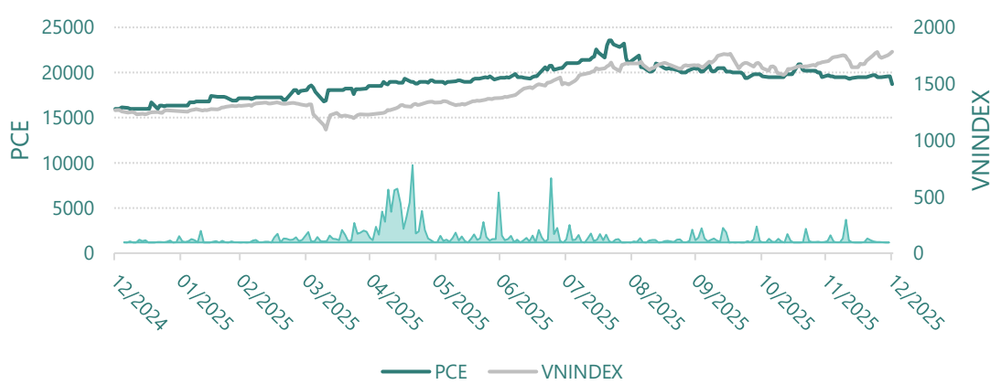
LN sau thuế
2025
25.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.30| -8.5%

Cơ cấu sở hữu

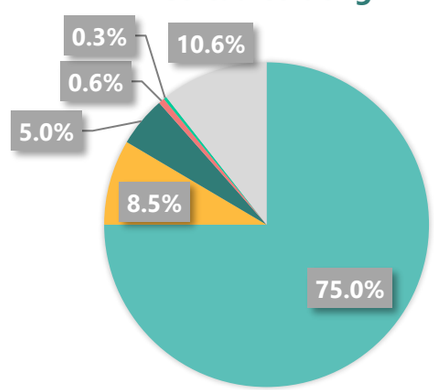


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

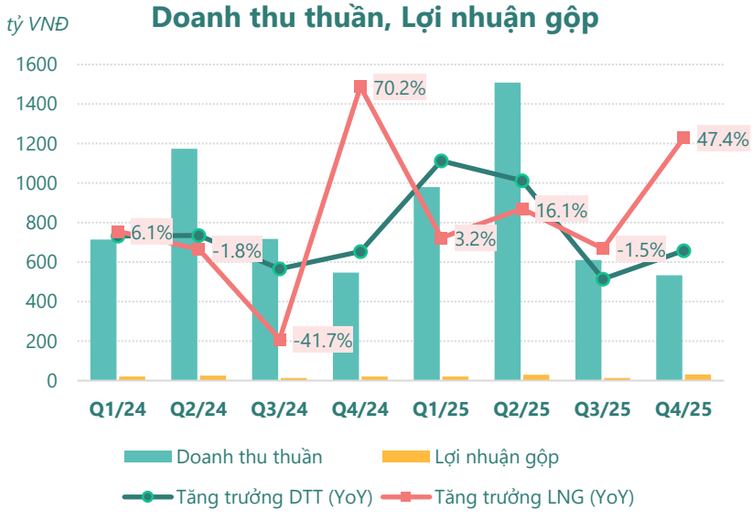


Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Nguyễn Hữu Luận
CTCP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng
Quỳnh Thị Thu Trang
Cao Trung Kiên
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

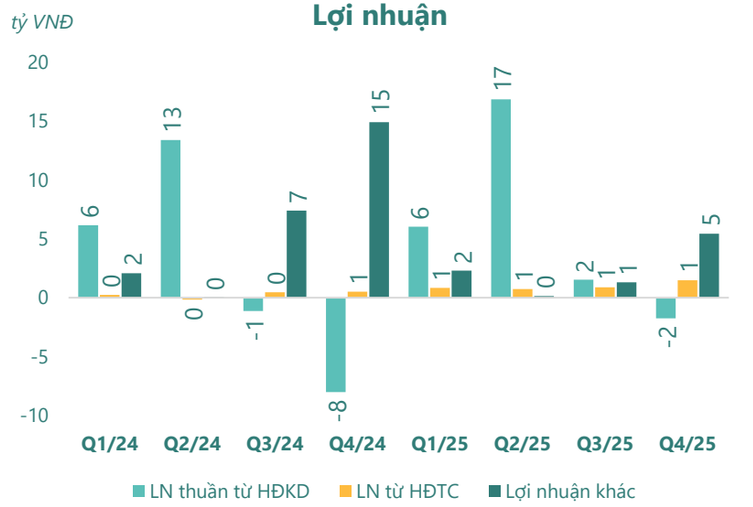
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



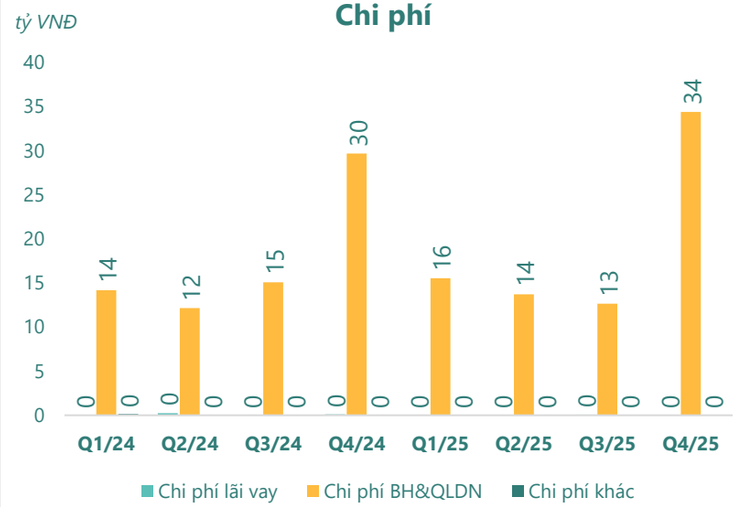
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



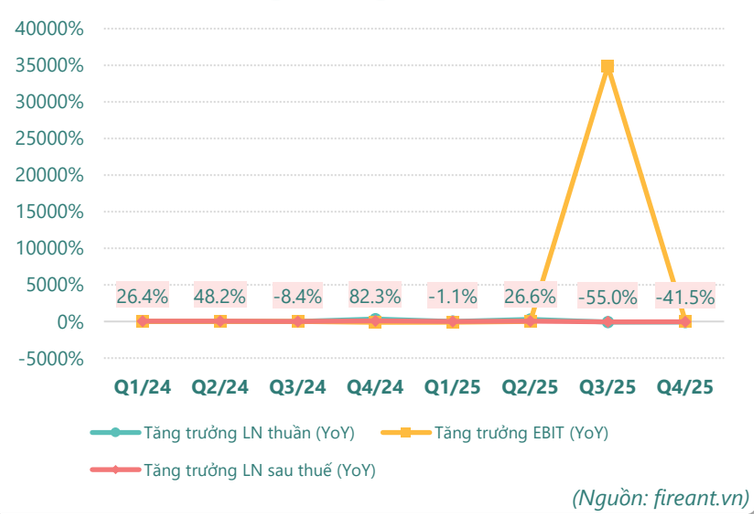
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



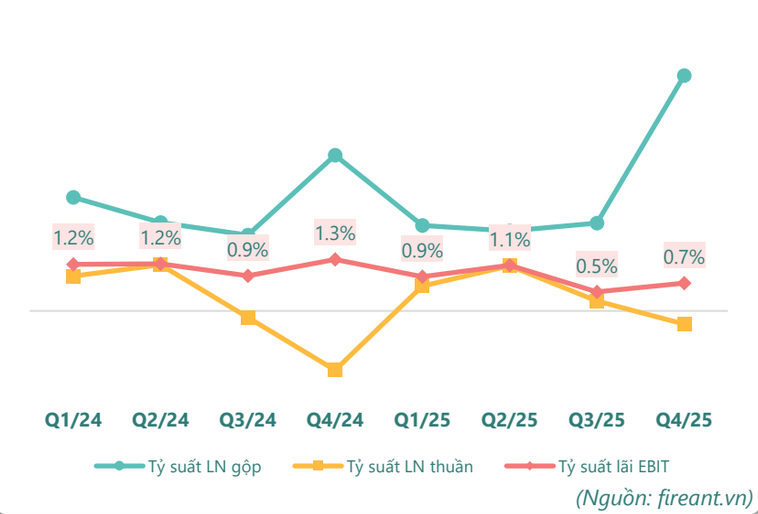
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



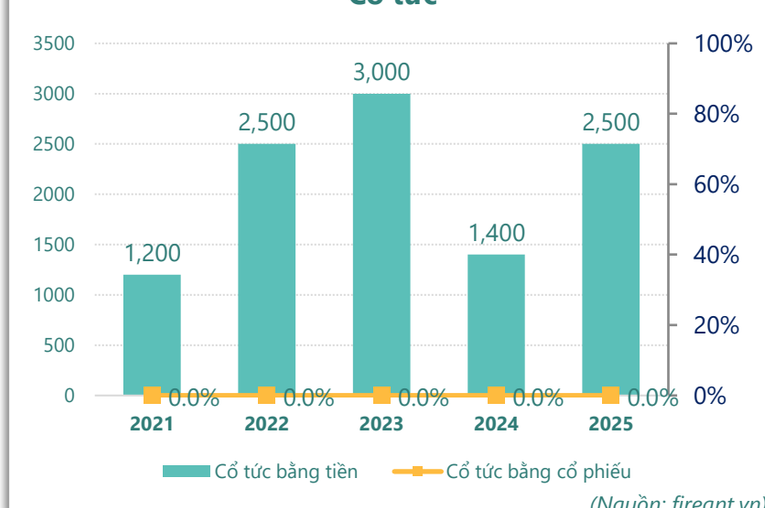
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

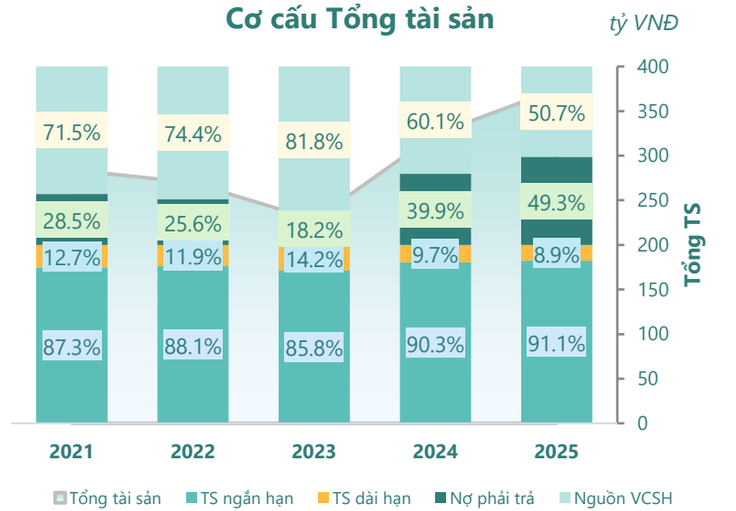
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

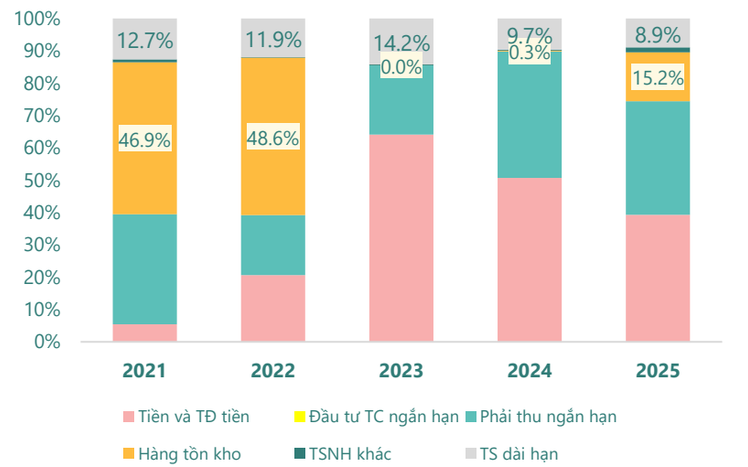
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



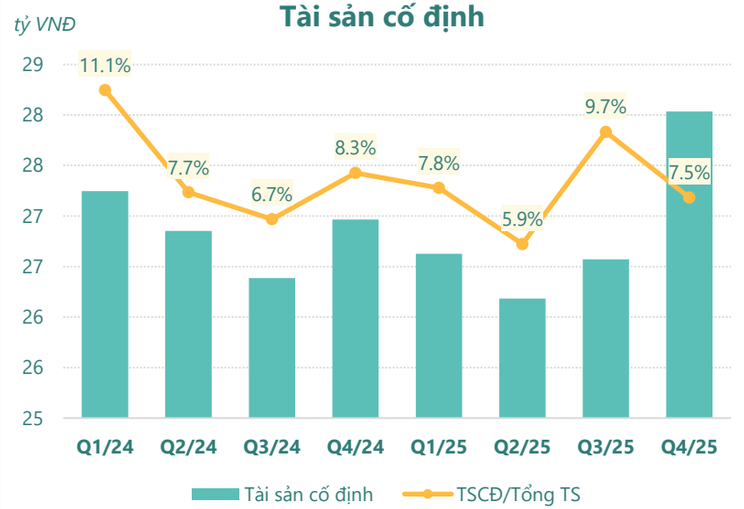
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



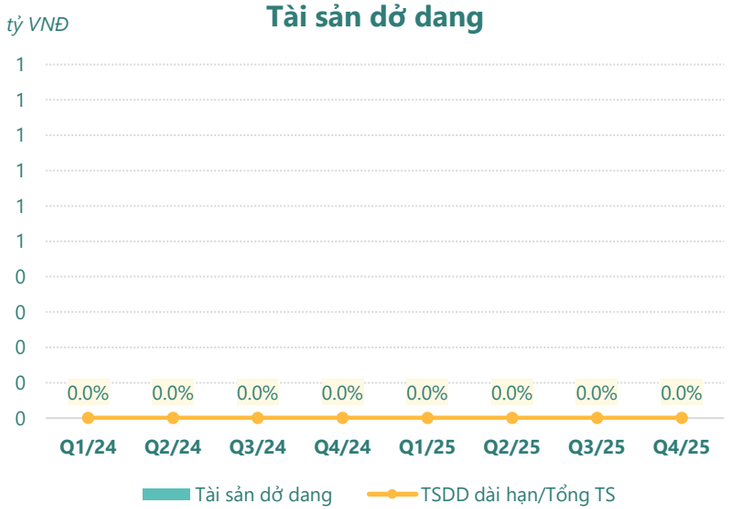
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



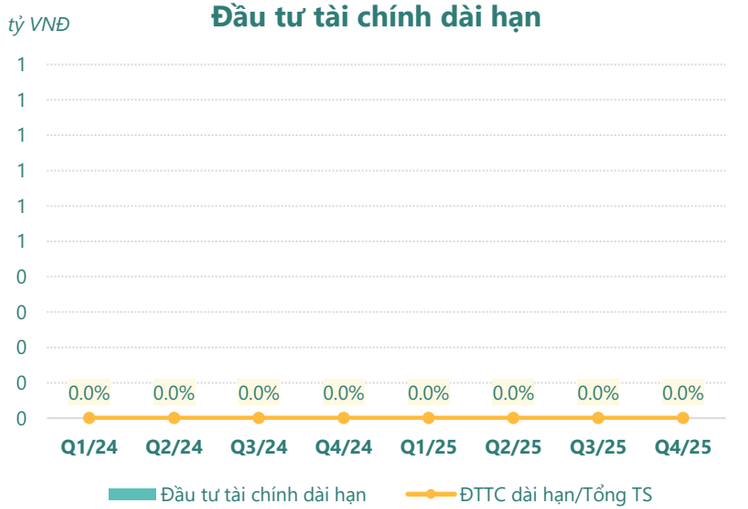
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



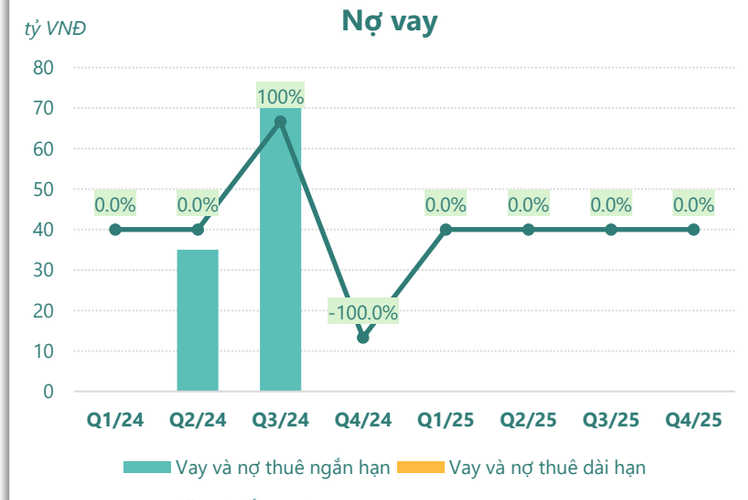
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

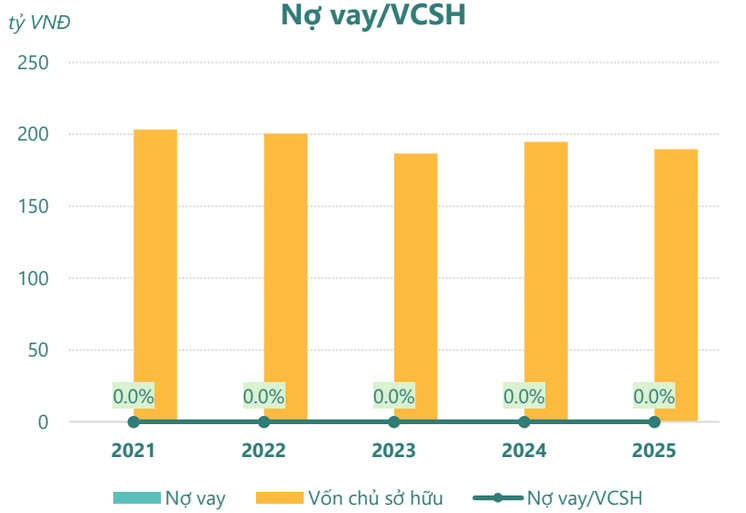
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

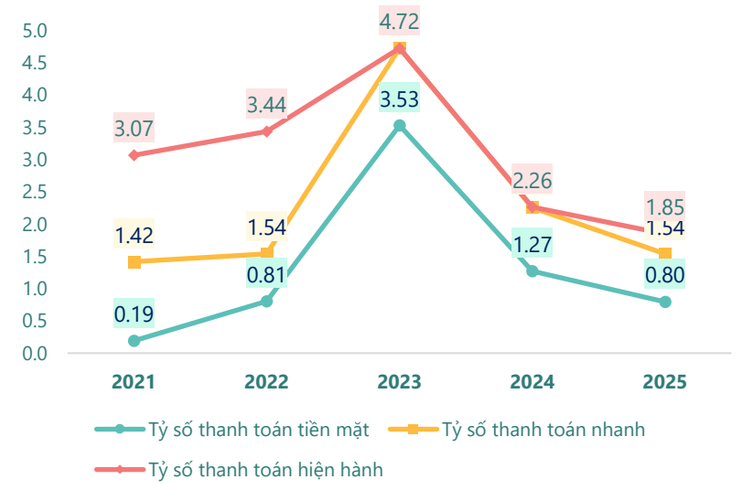
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



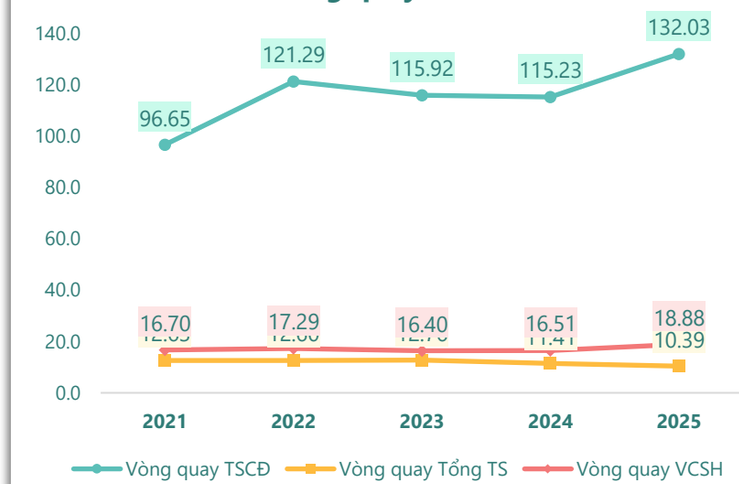
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



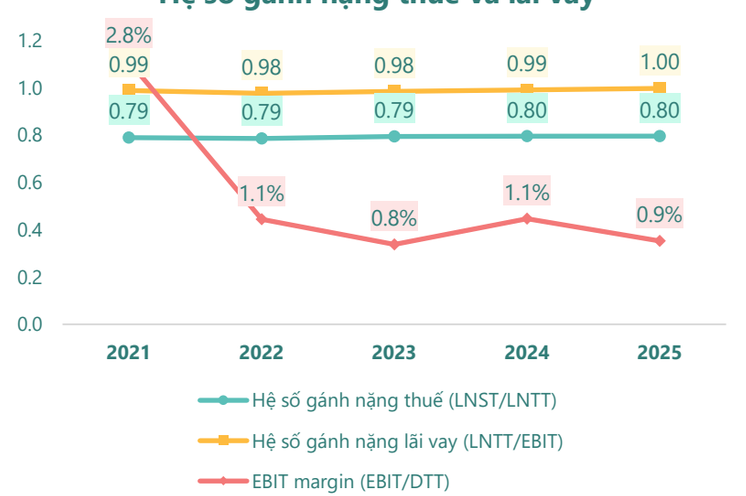
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



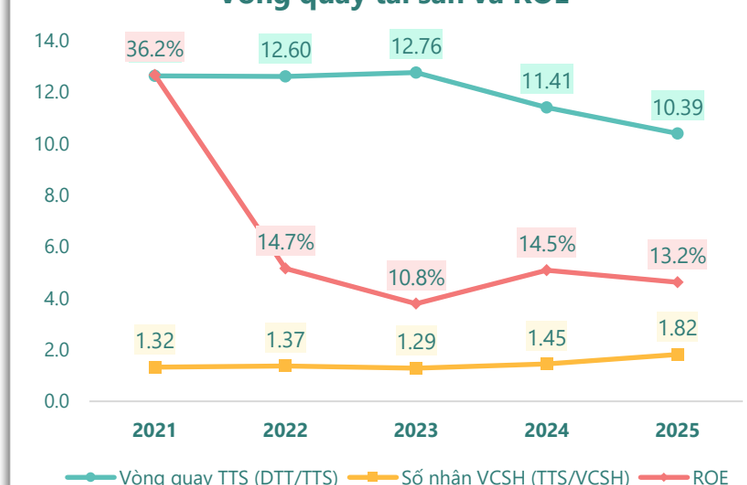
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



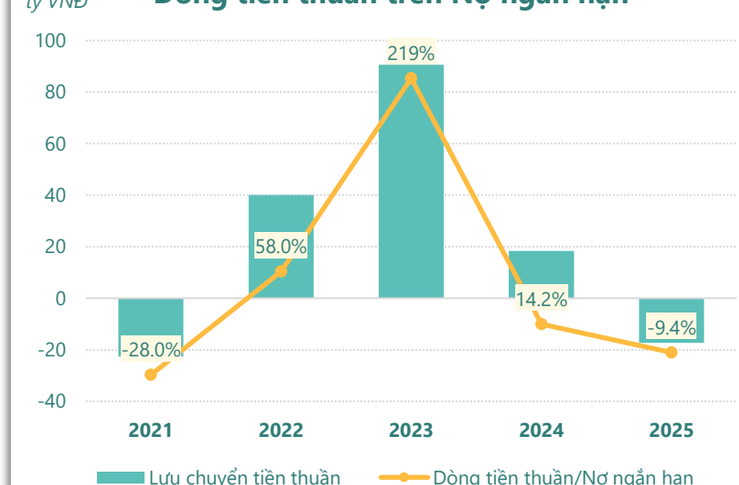
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**534**	**547**	**-2.5%**	**3,631**	**3,150**	**15.3%**
Giá vốn hàng bán	502	526	-4.5%	3,536	3,070	15.2%
Lợi nhuận gộp	31.1	21.1	47.6%	95.0	80.4	18.2%
Doanh thu HĐTC	1.48	0.60	146%	4.00	1.37	193%
Chi phí TC	0	0.09	-100%	0.08	0.33	-76.9%
Chi phí lãi vay	0	0.09	-100%	0.08	0.33	-76.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	23.7	24.2	-2.0%	50.9	50.2	1.4%
Chi phí QLDN	**10.7**	**5.44**	**95.8%**	**25.4**	**20.9**	**21.5%**
LN thuần từ HĐKD	-1.75	-8.04	78.2%	22.7	10.4	118%
Lợi nhuận khác	**5.44**	**14.9**	**-63.5%**	**9.18**	**24.4**	**-62.5%**
LN trước thuế	3.68	6.88	-46.5%	31.9	34.8	-8.5%
Lợi nhuận sau thuế	**2.81**	**5.39**	**-47.8%**	**25.4**	**27.7**	**-8.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.81**	**5.39**	**-47.8%**	**25.4**	**27.7**	**-8.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-41.0	176	-56.4	29.5	-8.10	42.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.45	-0.42	0.73	0.60	0.15	-0.86
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	35.0	-84.0	0	0	-24.9	-0.08
Tiền đầu kỳ	78.7	73.2	164	109	139	106
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.58**	**91.3**	**-55.7**	**30.1**	**-32.9**	**41.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	73.2	164	109	139	106	147

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**374**	**324**	**15.5%**
Tài sản ngắn hạn	341	293	16.5%
Tiền và tương đương tiền	147	164	-10.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	131	127	3.7%
Hàng tồn kho	56.8	0.98	5689%
Tài sản ngắn hạn khác	5.76	0.67	754%
Tài sản dài hạn	**33.3**	**31.4**	**6.0%**
Phải thu dài hạn	0.06	0.04	57.9%
Tài sản cố định	28.0	27.0	4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.22**	**4.42**	**18.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	185	129	42.7%
Nợ ngắn hạn	**185**	**129**	**42.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	7.87	53.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**190**	**195**	**-2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**190**	**195**	**-2.6%**
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)